

Số: 1347 /QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính
lĩnh vực Địa chất và Khoáng sản thuộc phạm vi chức năng
quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 3937/TTr-SNNMT-VP ngày 26 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục **37** thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực Địa chất và Khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại <https://hochiminhcity.gov.vn> và Cổng Dịch vụ công quốc gia tại <https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-trang-chu.html>.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, đánh giá tiêu chí để cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; xây dựng quy trình nội bộ giải quyết các thủ tục hành chính, tái cấu trúc quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

2. Giao Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố có trách nhiệm cấu hình thủ tục hành chính trên Hệ thống Thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục tại danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 1648/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố công bố danh mục thủ tục hành chính chính lĩnh vực Địa chất và Khoáng sản.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- VPCP: Cục Kiểm soát TTHC;
- TTUB: CT, PCT Nguyễn Mạnh Cường;
- VPUB: CVP, PCVP/VX;
- TT TTĐT TP;
- TT PV HCC TP;
- Lưu: VT, (KSTT/Tr).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Mạnh Cường

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN
THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

A. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Lựa chọn tổ chức, cá nhân để xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường, số 63 đường Lý Tự Trọng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh. - Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh. - Trung tâm phục vụ hành chính công, số 4 đường Nguyễn Tất Thành, Phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh.	Không quy định	- Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường; - Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản; - Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản đối với từng loại khoáng sản; mẫu, nội dung đề án và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản; - Quyết định số 3339/QĐ-BNNMT ngày 22/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
2	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	80 ngày làm việc (trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định được kéo dài thêm tối đa 25 ngày), kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường, số 63 đường Lý Tự Trọng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh. - Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh. - Trung tâm phục vụ hành chính công, số 4 đường Nguyễn Tất Thành,	Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể: - Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha), mức thu là 4.000.000 đồng/ 01 giấy phép; - Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 10.000.000 đồng/ 01	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường; - Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh.	giấy phép; - Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 15.000.000 đồng/ 01 giấy phép.	quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản; - Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản đối với từng loại khoáng sản; mẫu, nội dung đề án và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản; - Quyết định số 3339/QĐ-BNNMT ngày 22/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
3	Cấp lại Giấy phép thăm dò khoáng sản	40 ngày làm việc (trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định được kéo dài thêm tối đa 25 ngày), kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường, số 63 đường Lý Tự Trọng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh. - Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh. - Trung tâm phục vụ hành chính công, số 4 đường Nguyễn Tất Thành, Phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh.	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường; - Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản; - Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản đối với từng loại khoáng sản; mẫu, nội dung đề án và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản; - Quyết định số 3339/QĐ-BNNMT

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					ngày 22/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
4	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản	30 ngày làm việc (trong trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thăm định sẽ kéo dài thêm tối đa 25 ngày), kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường, số 63 đường Lý Tự Trọng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh. - Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh. - Trung tâm phục vụ hành chính công, số 4 đường Nguyễn Tất Thành, Phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh.	Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể: - Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha), mức thu là 2.000.000 đồng/ 01 giấy phép; - Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 5.000.000 đồng/ 01 giấy phép; - Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 7.500.000 đồng/ 01 giấy phép.	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường; - Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản; - Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản đối với từng loại khoáng sản; mẫu, nội dung đề án và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản; - Quyết định số 3339/QĐ-BNNMT ngày 22/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
5	Điều chỉnh Giấy phép thăm dò khoáng sản	- Trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản thay đổi tên gọi: 17 ngày làm việc, kể từ	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường, số 63 đường Lý Tự Trọng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		ngày nhận hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản: 30 ngày làm việc (trong trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định sẽ kéo dài thêm tối đa 25 ngày), kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp một phần diện tích thăm dò khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động	- Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh. - Trung tâm phục vụ hành chính công, số 4 đường Nguyễn Tất Thành, Phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh.		- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường; - Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản; - Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản đối với từng loại khoáng sản; mẫu, nội dung đề án và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản; - Quyết định số 3339/QĐ-BNNMT ngày 22/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		khoáng sản: 15 ngày làm việc cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có quyết định điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản.			
6	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản	30 ngày làm việc (trong trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định sẽ kéo dài thêm tối đa 25 ngày), kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường, số 63 đường Lý Tự Trọng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh. - Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh. - Trung tâm phục vụ hành chính công, số 4 đường Nguyễn Tất Thành, Phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh.	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường; - Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản; - Quyết định số 3339/QĐ-BNNMT

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					ngày 22/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
7	Chấp thuận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	30 ngày làm việc (trong trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định sẽ kéo dài thêm tối đa 25 ngày), kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường, số 63 đường Lý Tự Trọng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh. - Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh. - Trung tâm phục vụ hành chính công, số 4 đường Nguyễn Tất Thành, Phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh.	Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể: - Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha), mức thu là 2.000.000 đồng/ 01 giấy phép; - Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 5.000.000 đồng/ 01 giấy phép; - Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 7.500.000 đồng/ 01 giấy phép.	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường; - Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản; - Quyết định số 3339/QĐ-BNNMT ngày 22/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
8	Thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường, số 63 đường Lý Tự Trọng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh. - Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh. - Trung tâm phục vụ hành chính công, số 4 đường Nguyễn Tất Thành, Phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh.	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường; - Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản; - Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản đối với từng loại khoáng sản; mẫu, nội dung đề án và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản; - Quyết định số 3339/QĐ-BNNMT ngày 22/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
9	Cấp Giấy phép khai thác khoáng sản	70 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày), kể từ	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường, số 63 đường Lý Tự Trọng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh. - Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi,	Mức thu lệ phí cấp Giấy phép khai thác khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể: (1) Giấy phép khai thác	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh. - Trung tâm phục vụ hành chính công, số 4 đường Nguyễn Tất Thành, Phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh.	cát, sỏi lòng suối: - Có công suất khai thác dưới 5.000 m³/năm, mức thu là 1.000.000 đồng/ 01 giấy phép; - Có công suất khai thác từ 5.000 m³/năm đến 10.000 m³/năm, mức thu là 10.000.000 đồng/ 01 giấy phép; - Có công suất khai thác trên 10.000 m³/năm, mức thu là 15.000.000 đồng/ 01 giấy phép; (2) Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, trừ các loại đã quy định tại điểm (1) nêu trên: - Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới	phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản; - Quyết định số 3339/QĐ-BNNMT ngày 22/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				100.000 m³/năm, mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép; - Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm (1) nêu trên, mức thu là 20.000.000 đồng/ 01 giấy phép; - Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát,	của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				sỏi lòng suối quy định tại điểm (1) nêu trên, mức thu là 30.000.000 đồng/01 giấy phép; (3) Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng, mức thu là 40.000.000 đồng/01 giấy phép. (4) Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm, mức thu là 80.000.000 đồng/01 giấy phép. (5) Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại, mức thu là 100.000.000 đồng /01 giấy phép. (6) Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1,	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				điểm 2, điểm 3, điểm 4, điểm 5 nêu trên: - Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, mức thu là 40.000.000 đồng /01 giấy phép; - Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp mức thu là 50.000.000 đồng /01 giấy phép. (7) Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, điểm 3, điểm 4, điểm 5 nêu trên, mức thu là 60.000.000 đồng /01 giấy phép. (8) Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép.	
10	Cấp lại Giấy phép khai thác khoáng sản	70 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường, số 63 đường Lý Tự Trọng,	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày), kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh. - Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh. - Trung tâm phục vụ hành chính công, số 4 đường Nguyễn Tất Thành, Phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh.		- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Quyết định số 3339/QĐ-BNNMT ngày 22/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
11	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản	40 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày), kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường, số 63 đường Lý Tự Trọng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh. - Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh. - Trung tâm phục vụ hành chính công, số 4 đường Nguyễn Tất Thành, Phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh.	Mức thu lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể: (1) Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối: - Có công suất khai thác dưới 5.000 m³/năm, mức thu là 500.000 đồng/01 giấy phép; - Có công suất khai thác từ 5.000 m³/năm đến 10.000 m³/năm, mức thu là 5.000.000 đồng/ 01 giấy phép; - Có công suất khai thác trên 10.000 m³/năm, mức thu là 7.500.000 đồng/ 01 giấy phép; (2) Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản; - Quyết định số 3339/QĐ-BNNMT ngày 22/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				công nghiệp, trừ các loại đã quy định tại điểm (1) nêu trên: - Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép; - Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm (1) nêu trên, mức thu là	lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				10.000.000 đồng/ 01 giấy phép; - Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm (1) nêu trên, mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép; (3) Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng, mức thu là 20.000.000 đồng/01 giấy phép. (4) Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm, mức thu là 40.000.000 đồng/01 giấy phép. (5) Giấy phép khai thác	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				khoáng sản đặc biệt và độc hại, mức thu là 50.000.000 đồng/ 01 giấy phép. (6) Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, điểm 2, điểm 3, điểm 4, điểm 5 nêu trên: - Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, mức thu là 20.000.000 đồng/ 01 giấy phép; - Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp mức thu là 25.000.000 đồng/ 01 giấy phép; (7) Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, điểm 3, điểm 4, điểm 5 nêu trên, mức thu là 30.000.000 đồng/ 01 giấy phép.	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
12	Điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản	- Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh một trong các nội dung: điều chỉnh trữ lượng khoáng sản được phép khai thác; tăng hoặc giảm công suất khai thác; thay đổi, bổ sung phương pháp khai thác; trả lại một phần diện tích khai thác; một phần diện tích bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; bổ sung khai thác khoáng sản đi	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường, số 63 đường Lý Tự Trọng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh. - Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh. - Trung tâm phục vụ hành chính công, số 4 đường Nguyễn Tất Thành, Phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh.	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; - Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản; - Quyết định số 3339/QĐ-BNNMT ngày 22/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		kèm: thời hạn giải quyết là 40 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày). - Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh thay đổi tên gọi hoặc điều chỉnh tọa độ các điểm khép góc khu vực khai thác khoáng sản do sai lệch trong chuyển đổi hệ tọa độ địa lý hoặc các nguyên nhân khác quan nhưng không			lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		dẫn đến thay đổi trữ lượng khoáng sản đã được phê duyệt, công nhận; thời hạn giải quyết là 15 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ được tiếp nhận (hồ sơ hợp lệ). - Trường hợp một phần diện tích khai thác bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản			

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày một phần diện tích khai thác bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.			
13	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản	40 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày), kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường, số 63 đường Lý Tự Trọng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh. - Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh. - Trung tâm phục vụ hành chính công, số 4 đường Nguyễn Tất Thành,	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh.		về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; - Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản; - Quyết định số 3339/QĐ-BNNMT ngày 22/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
14	Chấp thuận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	40 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày), kể từ	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường, số 63 đường Lý Tự Trọng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh. - Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh.	Mức thu lệ phí cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản khi chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể: (1) Giấy phép khai thác	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	- Trung tâm phục vụ hành chính công, số 4 đường Nguyễn Tất Thành, Phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh.	cát, sỏi lòng suối: - Có công suất khai thác dưới 5.000 m³/năm, mức thu là 500.000 đồng/01 giấy phép; - Có công suất khai thác từ 5.000 m³/năm đến 10.000 m³/năm, mức thu là 5.000.000 đồng/ 01 giấy phép; - Có công suất khai thác trên 10.000 m³/năm, mức thu là 7.500.000 đồng/ 01 giấy phép; (2) Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, trừ các loại đã quy định tại điểm (1) nêu trên: - Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới	phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản; - Quyết định số 3339/QĐ-BNNMT ngày 22/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				100.000 m³/năm, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép; - Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm (1) nêu trên, mức thu là 10.000.000 đồng/ 01 giấy phép; - Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát,	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				sỏi lòng suối quy định tại điểm (1) nêu trên, mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép; (3) Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng, mức thu là 20.000.000 đồng/01 giấy phép. (4) Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm, mức thu là 40.000.000 đồng/01 giấy phép. (5) Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại, mức thu là 50.000.000 đồng/ 01 giấy phép. (6) Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, điểm 2, điểm 3, điểm 4,	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				điểm 5 nêu trên: - Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, mức thu là 20.000.000 đồng/01 giấy phép; - Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp mức thu là 25.000.000 đồng/ 01 giấy phép; (7) Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, điểm 3, điểm 4, điểm 5 nêu trên, mức thu là 30.000.000 đồng/ 01 giấy phép.	
15	Cấp đổi Giấy phép khai thác khoáng sản	- Trường hợp cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản; thời hạn giải quyết là 70 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung,	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường, số 63 đường Lý Tự Trọng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh. - Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi,	* Trường hợp cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản kết hợp với cấp lại hoặc điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản: Không quy định. * Trường hợp cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản kết hợp với gia hạn giấy	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày). - Trường hợp cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản kết hợp với gia hạn, cấp lại hoặc điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản; thời hạn giải quyết là 40 ngày làm việc. (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày).	Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh. - Trung tâm phục vụ hành chính công, số 4 đường Nguyễn Tất Thành, Phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh.	phép khai thác khoáng sản thì mức thu lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể: (1) Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối: - Có công suất khai thác dưới 5.000 m³/năm, mức thu là 500.000 đồng/01 giấy phép; - Có công suất khai thác từ 5.000 m³/năm đến 10.000 m³/năm, mức thu là 5.000.000 đồng/ 01 giấy phép; - Có công suất khai thác trên 10.000 m³/năm, mức thu là 7.500.000 đồng/ 01 giấy phép; (2) Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường	phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản - Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản. - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản. - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, trừ các loại đã quy định tại điểm (1) nêu trên: - Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép; - Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm (1) nêu	Bảo vệ môi trường; - Quyết định số 3339/QĐ-BNNMT ngày 22/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				trên, mức thu là 10.000.000 đồng/ 01 giấy phép; - Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm (1) nêu trên, mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép; (3) Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng, mức thu là 20.000.000 đồng/01 giấy phép. (4) Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm, mức thu là 40.000.000 đồng/01 giấy phép.	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				(5) Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại, mức thu là 50.000.000 đồng/ 01 giấy phép. (6) Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, điểm 2, điểm 3, điểm 4, điểm 5 nêu trên: - Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, mức thu là 20.000.000 đồng/ 01 giấy phép; - Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp mức thu là 25.000.000 đồng/ 01 giấy phép; (7) Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, điểm 3, điểm 4, điểm 5 nêu trên, mức thu là 30.000.000 đồng/ 01 giấy phép.	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
16	Phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản	65 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày), kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường, số 63 đường Lý Tự Trọng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh. - Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh. - Trung tâm phục vụ hành chính công, số 4 đường Nguyễn Tất Thành, Phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh.	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường; - Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Quyết định số 3339/QĐ-BNNMT ngày 22/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
17	Điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt	60 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày), kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường, số 63 đường Lý Tự Trọng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh. - Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh. - Trung tâm phục vụ hành chính công, số 4 đường Nguyễn Tất Thành, Phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh.	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường; - Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					Bảo vệ môi trường; - Quyết định số 3339/QĐ-BNNMT ngày 22/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
18	Chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản	30 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 10 ngày), kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường, số 63 đường Lý Tự Trọng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh. - Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh. - Trung tâm phục vụ hành chính công, số 4 đường Nguyễn Tất Thành, Phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh.	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường; - Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Quyết định số 3339/QĐ-BNNMT ngày 22/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
19	Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản	50 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 15 ngày), kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường, số 63 đường Lý Tự Trọng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh. - Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh. - Trung tâm phục vụ hành chính công, số 4 đường Nguyễn Tất Thành,	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường; - Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh.		về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản; - Thông tư số 04/2016/TT-BKHCN ngày 04/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ (trước đây) quy định về thẩm định báo cáo đánh giá an toàn bức xạ trong hoạt động thăm dò, khai thác quặng phóng xạ; - Quyết định số 3339/QĐ-BNNMT ngày 22/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
20	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	- Trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản hợp lệ đối với trường hợp: (1) Quyết toán	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường, số 63 đường Lý Tự Trọng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh. - Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi,	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		theo định kỳ 5 năm một lần; (2) Quyết toán khi gia hạn, điều chỉnh, cấp lại, chuyển nhượng giấy phép khai thác khoáng sản; (3) Quyết toán khi đóng cửa mỏ, giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản, văn bản chấp thuận, cho phép khai thác, thu hồi khoáng sản hết hiệu lực. -Trước ngày 31/12/2026 đối với trường hợp quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tiền trúng đấu giá quyền khai thác	Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh. - Trung tâm phục vụ hành chính công, số 4 đường Nguyễn Tất Thành, Phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh.		về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; - Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản; - Quyết định số 3339/QĐ-BNNMT ngày 22/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		khoáng sản lần đầu theo quy định của Luật Địa chất và khoáng sản và được xác định theo trữ lượng, khối lượng khoáng sản đã khai thác, thu hồi tính đến ngày 30/6/2025.			
21	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	30 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 10 ngày), kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường, số 63 đường Lý Tự Trọng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh. - Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh. - Trung tâm phục vụ hành chính công, số 4 đường Nguyễn Tất Thành,	Theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, mức thu lệ phí cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản là 5.000.000 đồng/ 01 giấy phép.	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh.		tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản; - Quyết định số 3339/QĐ-BNNMT ngày 22/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
22	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	18 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 05 ngày), kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường, số 63 đường Lý Tự Trọng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh. - Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh. - Trung tâm phục vụ hành chính công, số 4 đường Nguyễn Tất Thành, Phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh.	Theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, mức thu lệ phí cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (gia hạn) là 2.500.000 đồng/ 01 giấy phép.	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu,

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản; - Quyết định số 3339/QĐ-BNNMT ngày 22/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
23	Điều chỉnh Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	18 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh một trong các nội dung: điều chỉnh khối lượng khoáng sản; tăng hoặc giảm công suất khai thác; thay đổi tên tổ chức,	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường, số 63 đường Lý Tự Trọng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh. - Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh. - Trung tâm phục vụ hành chính công, số 4 đường Nguyễn Tất Thành, Phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh.	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		cá nhân; trả lại một phần diện tích khai thác; một phần diện tích bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; bổ sung khai thác khoáng sản đi kèm; thời hạn giải quyết là 18 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 05 ngày). - Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị điều			về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; - Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản; - Quyết định số 3339/QĐ-BNNMT ngày 22/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		chỉnh thay đổi tên tổ chức, cá nhân; thời hạn giải quyết là 09 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.			
24	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	18 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 05 ngày), kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường, số 63 đường Lý Tự Trọng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh. - Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh. - Trung tâm phục vụ hành chính công, số 4 đường Nguyễn Tất Thành, Phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh.	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; - Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản; - Quyết định số 3339/QĐ-BNNMT ngày 22/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
25	Chấp thuận chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản	18 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 05 ngày), kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường, số 63 đường Lý Tự Trọng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh. - Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh. - Trung tâm phục vụ hành chính công, số 4 đường Nguyễn Tất Thành, Phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh.	Theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, mức thu lệ phí cấp lại Giấy phép khai thác khoáng sản khi chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản là 2.500.000 đồng/ 01 giấy phép.	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					- Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản; - Quyết định số 3339/QĐ-BNNMT ngày 22/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
26	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	47 ngày làm việc (không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ và thời gian tổ chức, cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp cơ quan tiếp nhận	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường, số 63 đường Lý Tự Trọng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh. - Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh. - Trung tâm phục vụ hành chính công, số 4 đường	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		hồ sơ có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản bổ sung, hoàn thiện), kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Nguyễn Tất Thành, Phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh.		- Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản; - Quyết định số 3339/QĐ-BNNMT ngày 22/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
27	Cấp Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	- Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản; thời gian giải quyết là 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ (trường hợp phải bổ sung,	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường, số 63 đường Lý Tự Trọng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh. - Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh. - Trung tâm phục vụ hành chính công, số 4 đường	Mức thu lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể: Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nông nghiệp, trừ hoạt động	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 05 ngày). - Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản; thời gian giải quyết là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 03 ngày).	Nguyễn Tất Thành, Phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh.	khai thác cát, sỏi lòng suối: - Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm, mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép; - Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm (1) nêu trên, mức thu là	Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản; - Quyết định số 3339/QĐ-BNNMT ngày 22/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				20.000.000 đồng/ 01 giấy phép; - Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m ³ /năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối, mức thu là 30.000.000 đồng/01 giấy phép.	
28	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	- Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản; thời gian giải quyết là 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường, số 63 đường Lý Tự Trọng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh. - Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh. - Trung tâm phục vụ hành chính công, số 4 đường Nguyễn Tất Thành, Phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh.	Mức thu lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể: Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối:	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		thể kéo dài thêm tối đa 05 ngày). - Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản; thời gian giải quyết là 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 03 ngày).		- Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép; - Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm (1) nêu trên, mức thu là 10.000.000 đồng/ 01 giấy phép;	về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản; - Quyết định số 3339/QĐ-BNNMT ngày 22/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				- Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m ³ /năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối, mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép.	
29	Điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	- Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản; thời gian giải quyết là 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ (không tính thời gian tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường, số 63 đường Lý Tự Trọng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh. - Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh. - Trung tâm phục vụ hành chính công, số 4 đường Nguyễn Tất Thành, Phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh.	Không	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; - Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ). - Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản; thời gian giải quyết là 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ (không tính thời gian tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung,			Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản; - Quyết định số 3339/QĐ-BNNMT ngày 22/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		hoàn thiện hồ sơ). - Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh công suất khai thác trong nội dung giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (không tăng trữ lượng hoặc khối lượng đã cấp phép) đối với các mỏ khoáng sản đã có giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV còn hiệu lực phục vụ các dự án, công trình quan trọng quốc gia, dự án đầu tư công khẩn cấp, công trình,			

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		hạng mục công trình thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định của pháp luật về đầu tư công; thời hạn thẩm định là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ (không tính thời gian tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ).			
30	Trả lại Giấy phép khai thác	27 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường, số	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	khoáng sản nhóm IV	lệ (không tính thời gian tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ).	63 đường Lý Tự Trọng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh. - Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh. - Trung tâm phục vụ hành chính công, số 4 đường Nguyễn Tất Thành, Phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh.		- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; - Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản; - Quyết định số 3339/QĐ-BNNMT ngày 22/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
31	Chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản	09 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ (không tính thời gian tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ).	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường, số 63 đường Lý Tự Trọng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh. - Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh. - Trung tâm phục vụ hành chính công, số 4 đường Nguyễn Tất Thành, Phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh.	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; - Quyết định số 3339/QĐ-BNNMT ngày 22/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
32	Xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối	17 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ (không tính thời gian tổ	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường, số 63 đường Lý Tự Trọng,	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	với khoáng sản nhóm IV	chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ).	Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh. - Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh. - Trung tâm phục vụ hành chính công, số 4 đường Nguyễn Tất Thành, Phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh.		tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; - Quyết định số 3339/QĐ-BNNMT ngày 22/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
33	Bổ sung khối lượng công tác thăm dò khi giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết thời hạn	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường, số 63 đường Lý Tự Trọng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh. - Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh. - Trung tâm phục vụ hành chính công, số 4 đường	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Nguyễn Tất Thành, Phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh.		- Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản; - Quyết định số 3339/QĐ-BNNMT ngày 22/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
34	Chấp thuận thăm dò khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đối với nhóm II, nhóm III, nhóm IV	Thời gian thăm định là 40 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường, số 63 đường Lý Tự Trọng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh. - Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh. - Trung tâm phục vụ hành chính công, số 4 đường Nguyễn Tất Thành,	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Quyết định số 3339/QĐ-BNNMT ngày 22/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh.		
35	Chấp thuận khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đối với khoáng sản nhóm II, nhóm III, nhóm IV	Thời gian thẩm định hồ sơ là 40 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường, số 63 đường Lý Tự Trọng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh. - Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh. - Trung tâm phục vụ hành chính công, số 4 đường Nguyễn Tất Thành, Phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh.	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Quyết định số 3339/QĐ-BNNMT ngày 22/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

B. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	47 ngày làm việc (không tính thời gian tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		đăng ký thu hồi khoáng sản hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản bổ sung, hoàn thiện).			tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; - Quyết định số 3339/QĐ-BNNMT ngày 22/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
2	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	90 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản hợp lệ đối với đối với các trường hợp: (1) Quyết toán theo định kỳ 5 năm một lần;	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		(2) Quyết toán khi gia hạn, điều chỉnh, cấp lại, chuyển nhượng giấy phép khai thác khoáng sản; (3) Quyết toán khi đóng cửa mỏ, giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản, văn bản chấp thuận, cho phép khai thác, thu hồi khoáng sản hết hiệu lực.			- Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản; - Quyết định số 3339/QĐ-BNNMT ngày 22/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.